

Bản án số: 118/2023/HS-ST
Ngày 02 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Đào, ông Lê Bắc Hải, bà Quản Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Xuân Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Lương Thị B, sinh ngày 01/01/1970 tại huyện Mường L, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản Nà N, xã C, huyện L, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lương Văn L và bà Lương Thị C (đã chết); chồng là Lò Văn L (đã chết) và có 02 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1990);

Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2014/HS-ST ngày 28/02/2014 của Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã xử phạt Lương Thị B 07 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phạt bổ sung (phạt tiền) 4.000.000 đồng theo điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Lương Thị B đã chấp hành xong hình phạt bổ sung (phạt tiền) và án phí ngày 11/7/2014; chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/02/2020 (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2007/HS-ST ngày 12/01/2007 của Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, đã xử phạt Lương Thị B 04 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2010/HS-ST ngày 29/9/2010 của Toà án nhân dân huyện Mường L, tỉnh Sơn La đã xử phạt Lương Thị B 48 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đều đã được xóa án tích);

Lường Thị B bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2022 đến nay, có mặt.

2. Cà Văn S, sinh ngày 20/10/1965 tại huyện S, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 05/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Cà Văn X và bà Cà Thị K (đều đã chết); có vợ là Cà Thị S (là bị cáo trong cùng vụ án) và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2022 đến nay, có mặt.

3. Cầm Văn A, sinh ngày 10/9/1986 tại huyện S, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Cầm Văn H (tên gọi khác: Cầm Văn L) và bà Cầm Thị C (đều đã chết); có vợ là Cà Thị H (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012);

Tiền án: Có 01 tiền án, Bản án số 35/HSST ngày 12/3/2015 của TAND huyện S, tỉnh Sơn La, đã xử phạt Cầm Văn A 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2020 (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 130/HSST ngày 29/6/2010 của TAND huyện S, tỉnh Sơn La, đã xử phạt Cầm Văn A 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được xóa án tích);

Cầm Văn A bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2023 đến nay, có mặt.

4. Quàng Văn L, sinh ngày 08/7/1986 tại huyện Mường L, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản Đông Khít, xã Hua Trai, huyện Mường L, tỉnh S L; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Quàng Văn Phan và bà Quàng Thị Xuân; có vợ là Quàng Thị Tiêm và 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến nay, có mặt.

5. Cà Thị S, sinh ngày 17/7/1971 tại huyện S, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn T và bà Cầm Thị L; có chồng là Cà Văn S (là bị cáo trong cùng vụ án) và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 245/HSST ngày 16/12/2008 của TAND huyện S, tỉnh Sơn La, đã xử phạt Cà Thị S 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã thi hành án phí ngày 02/12/2009, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/7/2010 (đã được xóa án tích); bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2022 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị B: Ông Đèo Văn Hải, Luật sư thuộc

Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn S:* Ông Lò Văn Phan, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cẩm Văn A:* Ông Nguyễn Phương Vũ, là Luật sư, thực hiện Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn L:* Ông Trần Quốc Tuấn, là Luật sư, thực hiện Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cà Thị S:* Bà Trần Bích Liên, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V; địa chỉ: Tầng 11, toà nhà RE, số 09, Đoàn Văn B, phường 13, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Cà Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

+ Anh Ngân Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

+ Ông Lò Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: Bản L, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

+ Anh Lò Văn X, sinh năm 1987; địa chỉ: Bản C, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 40 phút ngày 06/5/2022, tại khu vực bản Tiên S, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La, trong khi làm nhiệm vụ Tổ công tác Công an huyện S đã tiến hành kiểm tra đối với Lương Thị B, sinh năm 1970, trú tại bản Nà Nong, xã Chiềng Lo, huyện Mường L và Cà Thị S, sinh năm 1971, trú tại bản T, xã C, huyện S, đã phát hiện trong giỏ tre đang đeo trên người Lương Thị B có 01 túi nilon màu đen bên trong có 14 túi nilon chứa các viên nén hình tròn màu hồng và 01 túi nilon màu đen bên trong chứa chất bột màu trắng (B, S khai là Methamphetamine và Heroine). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lương Thị B và Cà Thị S, thu giữ vật chứng.

Ngoài ra còn tạm giữ của Cà Thị S 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 đèn pin nhựa màu đen, 01 túi vải màu đen; thu giữ của Lương Thị B 260.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 đèn pin nhựa màu tím, 01 giỏ đeo vai bằng tre, 01 ví giả da màu đen.

Ngày 07/5/2022, Cà Văn S, trú tại bản T, xã C, huyện S đến trụ sở Công an huyện S đầu thú về hành vi cùng Lương Thị B và Cà Thị S mua bán trái phép chất

ma túy. Cơ quan Công an huyện S tạm giữ của Cà Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh.

Ngày 07/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện S đã thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, trích mẫu trung cầu giám định đối với số vật chứng nghi là chất ma túy thu giữ của Lường Thị B, Cà Thị S, kết quả: Số viên nén màu hồng thu giữ trong 14 túi có tổng số lượng 2.738 viên khối lượng 262,85 gam, trích mỗi túi 05 viên tổng khối lượng 6,72 gam làm mẫu trung cầu giám định chất ma túy, ký hiệu mẫu giám định từ B1 đến B14; Chất bột màu trắng có tổng khối lượng 14,46 gam; trích 0,46 gam làm mẫu trung cầu giám định chất ma túy, ký hiệu mẫu giám định B15.

Tại Kết luận giám định số 799/KL-KTHS ngày 09/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La, kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu từ B1 đến B14 là ma túy, Loại Methamphetamine; Mẫu gửi giám định ký hiệu B15 là ma túy, Loại Heroine.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là: 14,46 gam, Loại Heroine và 262,85 gam, Loại Methamphetamine.”

Tại Kết luận giám định số 810/KL-KTHS ngày 11/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận 3.000.000 đồng thu giữ của Cà Thị S và 260.000 đồng thu giữ của Lường Thị B gửi giám định, là tiền thật.

Mở rộng điều tra, ngày 08/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Cầm Văn A, sinh năm 1986, trú tại bản Huổi, xã Mường Hung, huyện S, tỉnh Sơn La. Tại thời điểm thi hành lệnh, A không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh S L ra Quyết định số 13/CSMT ngày 05/4/2023 truy nã đối với Cầm Văn A. Ngày 17/4/2023, A bị bắt theo lệnh truy nã.

Ngày 06/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La thi hành Lệnh giữ, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Quảng Văn L, sinh năm 1986, trú tại bản Đông K, xã Hi, huyện Mường L, tỉnh Sơn La và ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Quảng Văn L về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Quá trình bắt đã tạm giữ của Quảng Văn L: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu vàng cát.

Ngày 07/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La ra Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Cà Thị S phát hiện và thu giữ tại sân nhà của Cà Thị S 01 chiếc xe máy Ware RSX Biển kiểm soát 26L1-001.69 (xe của Lường Thị B).

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lò Văn X, sinh năm 1987; trú tại bản Củ, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La chiếc xe Moto nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 26C1-174.11 là vật chứng của vụ án (X đã mua lại chiếc xe trên).

Quá trình điều tra các bị cáo Lường Thị B, Cà Văn S, Cầm Văn A, Quảng Văn L, Cà Thị S khai nhận:

Quảng Văn L và Lường Thị B có mối quan hệ thân thiết (quan hệ tình cảm) với nhau, khoảng thời gian cuối tháng 4/2022, do không có khả năng tiếp tục trả

tiền cho hợp đồng tín chấp mua xe máy trước đó, L gọi điện thoại bảo B lấy chiếc xe máy của L (xe Moto nhãn hiệu Yamaha Exiter BKS 26C1-174.11) đem đi bán lấy tiền trả nợ. B bảo không biết chỗ bán xe nhưng biết chỗ đổi xe lấy ma túy về bán, L đồng ý. B đã gọi điện cho bạn là Cầm Văn A nói có người bạn muốn đổi xe máy lấy ma túy và mô tả đặc điểm chiếc xe máy của L và bảo A chiếc xe có giá trị khoảng 30.000.000 đồng đổi lấy 15 túi hồng phiến, A nói phải trao đổi với người bán ma túy thì mới biết và sẽ thông tin lại cho B sau. Sau đó A gọi điện cho Cà Văn S nói muốn đổi xe máy lấy ma túy, S nói phải đem xe đến kiểm tra trực tiếp thì mới biết đổi được số lượng ma túy cụ thể. Do vậy, A gọi điện lại cho B bảo mang xe vào huyện S để A mang đi trao đổi ma túy, B nhất trí.

Sau khi trao đổi với A, B gọi điện cho L nói đã có chỗ đổi xe máy lấy ma túy và bảo L đem xe máy đến cho B để B đem đi đổi ma túy. B và L thống nhất sau khi đổi xe lấy được ma túy thì tiền thu được từ việc bán ma túy sẽ trừ tiền gốc chiếc xe là 30.000.000 đồng, tiền lãi sẽ chia cho B 02 phần, L 01 phần.

Khoảng 17 giờ ngày 04/5/2022, L đem chiếc xe Moto BKS 26C1-174.11 đến giao cho B cùng 01 giấy đăng ký xe (bản sao) và một giấy chứng nhận bảo hiểm xe. Sau khi nhận xe với L, B gọi điện cho A thông báo sẽ mang xe máy vào S, A nói đang từ Hà Nội lên hẹn ngày 05/5/2022 gặp nhau và bảo B chụp ảnh xe máy gửi cho A xem trước, B làm theo yêu cầu. Sau khi nhận ảnh chụp của B, A chuyển tiếp cho Cà Văn S, S nói xe máy trên sẽ đổi được 15 túi hồng phiến và A đã thông tin lại cho B biết.

Sáng ngày 05/5/2022, B điều khiển xe máy đi đến trung tâm huyện S thì gọi điện cho A thì A bảo đang đi có việc và bảo B tìm chỗ nghỉ đợi A. B điều khiển xe máy đến nhà Thơm (là bạn của B ở bản Chiềng Xôm, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La) chờ A. Khoảng 19 giờ cùng ngày, A đi bộ đến nhà Thơm gặp B rồi điều khiển xe máy đưa B về nhà em gái Cầm Thị B ở bản L, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La để nghỉ. Khi đến nhà B, A nói B ở nhà chờ, A lấy xe máy đi đổi lấy ma túy đem về cho B, B bảo lại A đổi xe lấy 14 túi Hồng phiến, còn lại thì lấy Heroine, A nhất trí.

Khoảng 10 giờ ngày 06/5/2022, A điều khiển chiếc xe Moto BKS 26C1-174.11 đến nhà Cà Văn S, S nói xe máy trên định giá được khoảng 20 đến 21 triệu đồng, A nói muốn đổi lấy 14 túi Hồng phiến và 2.000.000 đồng Heroine, S đồng ý và mượn điện thoại của A gọi điện cho một đối tượng nam giới quốc tịch Lào tên là Piu để hỏi mua ma túy, qua trao đổi S đặt mua 14 túi hồng phiến và 2.000.000 đồng tiền mua Heroine, Piu đồng ý và hẹn gặp nhau tại khu vực đường giáp biên giới Việt Nam - Lào thuộc địa phận bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La.

Sau đó A đi về nhà Bình, còn S đi bộ đến điểm hẹn gặp Piu và mua được số lượng và loại ma túy như A đặt mua với giá 18.000.000 đồng sau đó đem về nhà.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, S gọi điện cho A thông báo đã mua được ma túy và bảo A đến nhà S lấy ma túy. Khi gặp nhau, S đưa cho A 01 túi nilon màu đen, A mở ra kiểm tra thấy bên trong có 12 túi nilon màu xanh, 02 túi nilon màu hồng bên trong đều chứa các viên Hồng phiến và 01 gói nilon màu đen bên trong chứa Heroine. A lấy 01 túi nilon màu xanh chứa Hồng phiến bảo để đem đi cho B kiểm tra, số ma túy còn lại A giấu vào dưới đệm ngồi của nhà S. Khoảng 14 giờ ngày 06/5/2022, A quay về nhà Bình đưa cho B 01 túi Hồng phiến, kiểm tra xong B đồng ý lấy rồi cất

túi Hồng phiến đi. Sau đó, A mượn chiếc xe máy Wave RSX Biển kiểm soát 26L1-001.69 của B để đi làm vườn. Khoảng 18 giờ cùng ngày A đến nhà S và gọi điện chỉ dẫn đường cho B tự đến nhà S. Khi B đến, A nói với B vị trí cất giấu ma túy dưới đệm của nhà S, rồi A đi bộ ra đường 4G đón xe khách đi Hà Nội.

Tại nhà S, B bảo Cà Thị S (vợ S) lấy ma túy từ nơi A cất ra cho B kiểm tra, quá trình kiểm tra có S, S cùng tham gia, sau khi kiểm tra đủ số lượng ma túy như đã đặt B cho gói Hồng phiến trước đó A mang đến kiểm tra cất chung vào túi nilon đen do S đưa rồi cùng S dùng băng dính trắng bọc ngoài túi nilon trên. Tiếp đến B lấy một giỏ tre để tại nhà bếp của S để cất giấu túi ma túy. S bảo B để xe máy BKS 26L1-001.69 (xe máy của B) lại nhà S để tránh bị phát hiện và bảo S đưa B đi bộ ra Quốc lộ 4G. Trên đường đi B và S thay nhau đeo giỏ đựng ma túy, khi đến khu vực bản Tiên S, xã C, huyện S, Lường Thị B và Cà Thị S bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại Cáo trạng số 78/CT-VKS-P1 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Lường Thị B, Cà Văn S, Cầm Văn A, Quàng Văn L, Cà Thị S về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Lường Thị B, Cầm Văn A, Cà Văn S, Quàng Văn L, Cà Thị S đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, đều nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Quàng Văn L khai thêm: Khi giao xe cho Lường Thị B đem đi đổi ma túy thì B có rủ L cùng đi nhưng do sợ và không muốn trực tiếp trao đổi mua bán ma túy nên bị cáo không đi cùng B, mọi giao dịch trao đổi mua bán ma túy đều do B thực hiện với những bị cáo khác, bị cáo không biết những người này.

Cà Thị S khai thêm: Khi B bảo S lấy túi đồ A cất dưới đệm tại nhà S, sau đó B dỡ ra kiểm tra thì S mới biết đó là ma túy và biết việc trao đổi mua bán ma túy giữa A, S và B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại đơn xin vắng mặt (đề ngày 27/7/2023), đại diện của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V đề nghị Tòa án xem xét trả lại cho Quàng Văn L chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER; BKS 26C1- 174.11 để L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho phía Công ty (vì đang trong hạn thanh toán hợp đồng); trong trường hợp phát mãi tài sản thì ưu tiên thanh toán vào hợp đồng của khách hàng Quàng Văn L đang đóng tại Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S L luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và kết luận: Ngày 06/5/2022, các bị cáo Lường Thị B, Cà Văn S, Cầm Văn A, Quàng Văn L, Cà Thị S đã có hành vi mua bán trái phép 14,46 gam Heroine và 262,85 gam Methamphetamine tổng khối lượng chất ma túy các bị cáo đã mua bán trái phép là 277,31 gam, nên các bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lường Thị B, Cầm Văn A đều có 01 tiền

án, chưa được xoá án tích nên cần áp dụng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên toà cả 05 bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lương Thị B, Cà Văn S, Cà Thị S đã khai ra các đồng phạm trong vụ án nên đề nghị áp dụng quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Cà Văn S đã ra đầu thú nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Các bị cáo đều không có điều kiện thi hành án nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lương Thị B, Cà Văn A, Cà Văn S, Quảng Văn L, Cà Thị S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm t, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Thị B 20 năm tù.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cà Văn A 20 năm tù.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cà Văn S 20 năm tù.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Quảng Văn L 20 năm tù.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm t, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cà Thị S từ 18 đến 19 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình, đề nghị tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy còn lại sau khi trích mẫu giám định; các vỏ, túi niêm phong B đầu, 01 chiếc túi vải, 01 chiếc ví giả da, 01 giỏ tre, 02 chiếc đèn pin nhựa.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 chiếc Moto Yamaha Exciter BKS 26C1-174.11 của Quảng Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của Lương Thị B; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG thu giữ của Cà Văn S.

Trả lại Cà Thị S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và số tiền 3.000.000đ; trả lại Lương Thị B chiếc xe Moto nhãn hiệu Wave RSX Biển kiểm soát 26L1-001.69 và số tiền 260.000đ.

Về trách nhiệm nhân sự : Không chấp nhận yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER; BKS 26C1- 174.11 của anh Lò Văn Xô và Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V, do chiếc xe là vật chứng các bị cáo sử dụng để trao đổi mua bán trái phép chất ma túy, nếu các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Những người bào chữa đều nhất trí với Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S L về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhất trí đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng, tài sản trong vụ án. Các Luật sư đề nghị hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ:

- Luật sư Đèo Văn Hải bào chữa cho bị cáo Lương Thị B: Bị cáo Lương Thị B là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, nên xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án Kiểm sát viên đề nghị. Bị cáo Lương Thị B nhất trí với ý kiến bào chữa của Luật sư và không có ý kiến bào chữa bổ sung.

- Luật sư Lò Văn Phan bào chữa cho bị cáo Cà Văn S: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cà Văn S mức án dưới khung hình phạt quy định. Bị cáo Cà Văn S nhất trí ý kiến bào chữa, không bổ sung gì thêm.

- Luật sư Nguyễn Phương Vũ bào chữa cho bị cáo Cầm Văn A: Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị xử phạt đối với bị cáo A là phù hợp, nhưng xét hoàn cảnh gia đình bị cáo hết sức khó khăn, vợ chồng đã ly hôn, có hai con còn nhỏ không ai chăm sóc, bị cáo hiện không có tài sản, không có nhà. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt tù và miễn tiền án phí cho bị cáo. Bị cáo Cầm Văn A nhất trí ý kiến bào chữa của Luật sư và không có ý kiến bào chữa bổ sung.

- Luật sư Trần Quốc Tuấn bào chữa cho bị cáo Quàng Văn L: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo phạm tội lần đầu, là đồng phạm giúp sức cho Lương Thị B, nên đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 đến 19 năm tù; bị cáo Quàng Văn L nhất trí ý kiến bào chữa của Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Luật sư Trần Bích Liên bào chữa cho bị cáo Cà Thị S: Bị cáo có trình độ học vấn thấp là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa nên nhận thức pháp luật hạn chế, là đồng phạm vị trí vai trò thấp, đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 17 đến 18 năm tù. Bị cáo S nhất trí ý kiến bào chữa của Luật sư và không có ý kiến bào chữa bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, trong đó Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có ý kiến đối với nội dung liên quan đến vụ án; đối với Cà Văn Thương, Ngân Văn Quỳnh, Lò Văn Danh, Lò Văn Xô đều vắng mặt không có lý do, xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Thị B, Cầm Văn A, Cà Văn S, Quảng Văn L, Cà Thị S tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là đồng nhất về thời gian, nội dung thoả thuận, cách thức, địa điểm trao đổi, mua bán trái phép chất ma túy, đã thể hiện:

Vào khoảng thời gian cuối tháng 4/2022, do cần tiền trả nợ nên Quảng Văn L đã hỏi nhờ Lương Thị B tìm người bán chiếc xe máy (xe Moto Exciter BKS 26C1-174.11) của L, nhưng B nói không biết bán xe máy cho ai nhưng biết chỗ có thể đổi xe máy lấy ma túy để bán lấy tiền, nên L đã đồng ý; B và L thống nhất chiếc xe máy trị giá 30 triệu đổi lấy 15 túi hồng phiến B sẽ đem đi bán, tiền bán ma túy sẽ trừ đi số tiền gốc 30.000.000 đồng cho L, tiền lãi sẽ chia cho B 02 phần, L 01 phần.

Lương Thị B đã gọi điện cho Cầm Văn A nói có người bạn muốn đổi xe máy lấy ma túy (giá xe máy 30 triệu đổi lấy 15 túi hồng phiến); Cầm Văn A đã gọi điện cho Cà Văn S nói lại nội dung B đã đặt vấn đề, S bảo đem xe máy đến để xem xét, sau đó A trao đổi lại với B và B đã gọi điện bảo L đem chiếc xe đến nhà giao cho B; B đã chụp ảnh xe gửi cho A kiểm tra trước; sau khi nhận ảnh chụp chiếc xe của B gửi, A chuyển tiếp cho Cà Văn S, S nói xe máy trên sẽ đổi được 15 túi hồng phiến và A đã thông tin lại cho B biết và bảo B đem xe cho A; ngày 05/5/2022 B đem chiếc xe Moto Exciter BKS 26C1-174.11 giao cho A và bảo A đổi xe máy lấy 14 túi hồng phiến còn lại thì lấy Heroine; ngày 06/5/2022 A đem xe đến giao cho Cà Văn S, S định giá chiếc xe 21 triệu đổi ngang được 14 túi hồng phiến và 02 triệu tiền Heroine; S đã liên lạc với đối tượng tên Piu (người Lào) mua được 14 túi hồng phiến (giá 16 triệu) và 02 triệu tiền Heroine đem về giao cho A; sau khi nhận ma túy với S thì A đã lấy 01 túi hồng phiến đem đến cho B kiểm tra trước (số ma túy còn lại cất dưới đệm ngồi trong nhà S); sau khi kiểm tra túi ma túy của A đưa thì B đồng ý lấy; sau đó A và B đi đến nhà S; tại nhà S A chỉ cho B biết vị trí cất giấu số ma túy còn lại, rồi A đón xe khách đi Hà Nội; sau khi A đi khỏi nhà S thì B bảo Cà Thị S (vợ S) lấy số ma túy được A cất giấu dưới đệm cho B kiểm tra, sau khi kiểm tra đủ số lượng ma túy B bảo S tìm giúp B túi ni lon và cuộn băng dính rồi B lấy toàn bộ số ma túy (14 túi hồng phiến và 01 gói Heroine) gói chung vào túi ni lon đen do S đưa và cùng S, S lấy băng dính bọc cuộn lại rồi B lấy một chiếc giỏ tre tại nhà S để đựng gói ma túy đem về. Để tránh bị phát hiện, S bảo B để lại xe máy của B tại nhà S rồi bảo S dẫn đường đưa B đi bộ ra đường Quốc lộ 4G để đi về nhà bạn

của B nghỉ; trên đường đi B và S thay nhau đeo chiếc giỏ đựng ma túy, sau đó bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt quả tang.

Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lương Thị B, Cà Thị S, có sự tham gia của người chứng kiến là ông Đoàn Ngọc Thái, xác nhận thu giữ của các bị cáo 14 túi nilon chứa các viên nén màu hồng, 01 túi nilon chứa chất bột màu trắng; Kết luận giám định số 799/KL-KTHS ngày 09/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S L kết luận, vật chứng thu giữ của các bị cáo Lương Thị B, Cà Thị S là ma túy, có tổng khối lượng 277,31 gam (trong đó có 14,46 gam Heroine và 262,85 gam Methamphetamine); Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Cà Văn S; Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Quàng Văn L; Biên bản thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Cầm Văn A; phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S L đã truy tố đối với các bị cáo.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lương Thị B, Cầm Văn A, Cà Văn S, Quàng Văn L, Cà Thị S đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khối lượng chất ma túy thu giữ trong vụ án và quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số Điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S L truy tố các bị cáo về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung *“Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”*, có khung hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Các bị cáo Lương Thị B, Cầm Văn A, Cà Văn S, Quàng Văn L, Cà Thị S đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ tác hại nguy hiểm của ma túy, việc mua bán ma túy là hành vi trái pháp luật nhưng do háo lợi, các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội với khối lượng 277,31 gam ma túy thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử phạt nghiêm khắc.

[4] Về vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Vụ án có đồng phạm, thuộc đồng phạm giản đơn, trong đó Lương Thị B, Quàng Văn L là người có nhu cầu mua ma túy và Cà Văn S là người bán ma túy, được kết nối, giúp sức bởi Cầm Văn A, Cà Thị S, trong đó:

Bị cáo Lương Thị B và Quàng Văn L là người thống nhất đổi xe máy lấy ma túy, B là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc trao đổi mua bán ma túy, L

là người cung cấp xe để đổi ma túy, do đó B và L giữ vai trò chính của bên mua ma túy.

Bị cáo Chăm Văn A là người tiếp nhận trao đổi việc mua bán ma túy với Lương Thị B và trực tiếp thực hiện việc trao đổi việc mua bán trái phép chất ma túy với Cà Văn S, nhận ma túy với S sau đó giao cho B, do đó Chăm Văn A là người giúp sức cho B, L và S và là người thực hành tích cực.

Bị cáo Cà Văn S là người định giá chiếc xe máy để đổi ma túy; đã trực tiếp trao đổi mua ma túy với đối tượng người nước ngoài sau đó thực hiện giao dịch mua bán trái phép chất ma túy với Chăm Văn A và Lương Thị B. Do đó, Cà Văn S giữ vai trò chính của bên bán.

Do đó, xác định vị trí, vai trò, mức độ thực hiện tội phạm của các bị cáo Lương Thị B, Quảng Văn L, Chăm Văn A, Cà Văn S là ngang nhau.

Đối với bị cáo Cà Thị S không được tham gia trao đổi bàn bạc mua bán trái phép chất ma túy cùng với các bị cáo khác, sau khi biết việc mua bán ma túy giữa S với A và B thì S đã giúp S, B cất giấu, vận chuyển ma túy, hành vi phạm tội của S là thụ động do S và B chỉ bảo, do đó xác định Cà Thị S là đồng phạm giúp sức, vai trò, mức độ phạm tội thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo Lương Thị B, Chăm Văn A, Cà Thị S đều có nhân thân xấu, trong đó:

Bị cáo Lương Thị B: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh S L xử phạt 04 năm tù và năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Mường L xử phạt 48 tháng tù, đều về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã được xoá án tích);

Bị cáo Chăm Văn A: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xoá án tích);

Bị cáo Cà Thị S: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã được xoá án tích).

Các bị cáo Cà Văn S, Quảng Văn L: Điều không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Cà Văn S, Quảng Văn L, Cà Thị S đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Lương Thị B: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2014/HS-ST ngày 28/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh S L đã xử phạt Lương Thị B 07 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/02/2020;

Đối với bị cáo Chăm Văn A: Tại Bản án số 35/HSST ngày 12/3/2015 của TAND huyện S, tỉnh S L đã xử phạt Chăm Văn A 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2020.

Như vậy, các bị cáo Lương Thị B, Chăm Văn A đều đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xoá án tích, đến ngày 06/5/2022 lại

thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả 05 bị cáo đều thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, bị cáo Lương Thị B khai, nhận dạng được ra bị cáo Cầm Văn A và Quảng Văn L; bị cáo Cà Văn S khai, nhận dạng được bị cáo Cầm Văn A; bị cáo Cà Thị S khai và nhận dạng được bị cáo Cà Văn S, Cầm Văn A. Do đó, được xác định các bị cáo B, S, S đã tích cực hợp tác với Cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi bị phát hiện, bị cáo Cà Văn S đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với Cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình, nên được xác định đã đầu thú theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Quảng Văn L, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Lương Thị B, Cà Thị S cũng là người dân tộc thiểu số và bị cáo B có sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nhưng các bị cáo đều đã từng bị kết án về tội phạm ma túy, đã có thời gian dài cải tạo giáo dục nhưng đã không chịu sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục phạm tội về ma túy, nên ý kiến của Luật sư cho rằng các bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật có phần hạn chế và đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp, nên không chấp nhận.

Với những phân tích, nhận định, đánh giá nêu trên, xét thấy trong vụ án có nhiều bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử, cải tạo, giáo dục nhiều lần về tội phạm liên quan đến ma túy nhưng không lấy đó làm bài học, vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội với khối lượng ma túy rất lớn, gây nguy hiểm cao cho xã hội. Bị cáo Lương Thị B và Cà Văn S mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng đều giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo Quảng Văn L là người dùng tài sản để trao đổi ma túy và Cầm Văn A trực tiếp thực hiện tội phạm. Do đó, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S L về mức hình phạt 20 năm tù đối với các bị cáo B, L, A, S là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, nên chấp nhận.

Đối với bị cáo Cà Thị S là đồng phạm giúp sức, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S mức án dưới khung hình phạt là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự:

Kết quả điều tra và tranh tụng tại phiên tòa xác định các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp, làm thuê nên chỉ đảm bảo nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, nếu phạt tiền cũng không có điều kiện thi hành, vì vậy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S L và người bào chữa cho các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[7] Về những người liên quan đến vụ án:

Cà Văn S và Cầm Văn A khai nhận: Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ gồm 14,46 gam Heroine và 262,85 gam Methamphetamine là của S mua với một người đàn ông tên Piu, quốc tịch Lào. Ngoài lời khai của các bị cáo, không còn thông tin nào khác về nhân thân của đối tượng trên, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ mở rộng điều tra đối với người đàn ông đã bán ma túy cho các bị cáo.

Đối với Quàng Thị Thơm, trú tại bản Hong Ngay, xã K, huyện S, tỉnh S L và Cầm Thị Bình, trú tại bản Là, xã C, huyện S, tỉnh S L là những người cho B nghỉ nhờ. Quá trình điều tra xác định Thơm và Bình không biết, không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Quàng Thị Thơm và Cầm Thị Bình.

Đối với Cà Văn Thường (là con trai của Cà Văn S và Cà Thị S), đã sử dụng và bán chiếc xe Moto nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 26C1-174.11. Kết quả điều tra xác định Cà Văn Thường không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án.

Đối với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V (Công Ty SMBC), có chi nhánh tại huyện Mai S, tỉnh S L: Quàng Văn L có ký Hợp đồng tín dụng vay của Công Ty SMBC số tiền 33.685.600đ để mua xe trả góp, Quàng Văn L đã thế chấp chính chiếc xe Moto Yamaha Exciter BKS 26C1-174.11 cho Công ty SMBC. Hiện Quàng Văn L còn nợ Công Ty SMBC 17.121.448đ. Công ty SMBC đề nghị Tòa án xem xét trả lại cho Quàng Văn L chiếc xe Moto nhãn hiệu YAMAHA EXCITER; BKS 26C1- 174.11 để L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho phía Công ty (vì đang trong hạn thanh toán hợp đồng); trong trường hợp phát mãi tài sản thì ưu tiên thanh toán vào hợp đồng của khách hàng Quàng Văn L đang đóng tại Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, chiếc xe Moto Yamaha Exciter BKS 26C1-174.11 do Quàng Văn L đứng tên đăng ký xe và trong thời gian quản lý, sử dụng chiếc xe trên L đã dùng vào việc trao đổi mua bán trái phép chất ma túy, chiếc xe là vật chứng của vụ án phải được tịch thu theo quy định của pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu nêu trên của Công ty SMBC.

Ngoài ra, việc mua bán chiếc xe Moto Yamaha Exciter BKS 26C1-174.11 của Cà Văn Thường cho Ngần Văn Quỳnh, sinh năm 1987 (trú tại bản T, xã C, huyện S, tỉnh S L), sau đó Quỳnh bán lại cho Lò Văn Danh, sinh năm 1972 (trú tại bản Là, xã C, huyện S, tỉnh S L), Danh bán lại cho Lò Văn Xô, sinh năm 1987 (trú tại bản Cũ, xã K, huyện S, tỉnh S L), sau đó chiếc xe đã được Cơ quan điều tra thu giữ từ Lò Văn Xô. Kết quả điều tra xác định: Thường, Quỳnh, Danh và Xô đều không biết chiếc xe trên liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, việc mua bán xe giữa những người nêu trên là giao dịch dân sự, anh Lò Văn Xô đề nghị được trả lại chiếc xe. Tuy nhiên, do chiếc xe nêu trên là vật chứng của vụ án phải

được tịch thu theo quy định của pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu được trả lại chiếc xe của anh Lò Văn Xô. Mặt khác những người liên quan đến giao dịch mua bán chiếc xe trên đều không có mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết hậu quả của giao dịch mua bán xe giữa những người này, nếu giữa các bên có tranh chấp về giao dịch liên quan đến chiếc xe Moto Yamaha Exciter BKS 26C1-174.11 nêu trên thì có quyền khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng, đồ vật, tài sản trong vụ án:

Đối với khối lượng ma túy còn lại sau khi trích mẫu giám định (gồm 14,00 gam Heroine và 256,13 gam Methamphetamine), đều là chất Nhà nước cấm lưu hành và các đồ vật gồm các vỏ, túi niêm phong B đầu; 01 chiếc túi vải; 01 chiếc ví giả da; 01 giỏ tre; 02 chiếc đèn pin nhựa, đều là vật liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO thu giữ của Lương Thị B; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG thu giữ của Cà Văn S, có căn cứ xác định 02 chiếc điện thoại trên các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc xe Moto Yamaha Exciter BKS 26C1-174.11 là của Quàng Văn L, L cùng các bị cáo khác đã sử dụng để trao đổi mua bán trái phép chất ma túy, nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 3.000.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của Cà Thị S và số tiền 260.000đ thu giữ của Lương Thị B, xét không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại các bị cáo.

Đối với chiếc xe Moto nhãn hiệu Wave RSX Biển kiểm soát 26L1-001.69 (thu giữ khi khám xét nhà của Cà Thị S): Kết quả điều tra xác định tên chủ xe là Lò Văn Tương, địa chỉ: bản Búng, xã Tạ Bú, huyện Mường L, S L (Lò Văn Tương khai: đã bán chiếc xe trên vào năm 2015 cho một cửa hàng mua bán xe máy ở thị trấn Ít Ong, huyện Mường L nhưng không làm giấy tờ mua bán), sau đó Lương Thị B đã mua lại chiếc xe trên, trước khi bị bắt khoảng 01 tháng B đã sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi vào huyện S để mua bán trao đổi nông sản, do xe bị hỏng nên B đã để xe lại quán sửa xe, đến ngày 05/5/2022 khi đang ở nhà Cà Thị Bình, B đã ra quán sửa xe lấy lại chiếc xe trên, sau đó Cà Văn A đã mượn chiếc xe này đi làm vườn (cắt ghép cây nhãn) rồi A đi xe đến nhà Cà Văn S để trả xe cho B. Xét chiếc xe trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên trả lại cho bị cáo Lương Thị B.

[9] Về án phí:

Bị cáo Cà Văn S, Cà Thị S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lương Thị B, Cà Văn A, Quàng Văn L đều là người dân tộc thiểu số, sống tại khu vực miền núi có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) nên thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Về tội danh: Căn cứ Điều 251 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Lương Thị B, Cầm Văn A, Cà Văn S, Quảng Văn L, Cà Thị S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm t, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Thị B 20 (Hai mươi) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 06/5/2022).

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cà Văn S 20 (Hai mươi) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 07/5/2022).

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cầm Văn A 20 (Hai mươi) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 17/4/2023).

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Quảng Văn L 20 (Hai mươi) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 06/3/2023).

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm t, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cà Thị S 19 (Mười chín) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 06/5/2022).

1.3. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo Lương Thị B, Cầm Văn A, Cà Văn S, Quảng Văn L, Cà Thị S.

2. Về trách nhiệm dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V về việc trả lại chiếc xe Moto Yamaha Exiter BKS 26C1-174.11 cho Quảng Văn L.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn X về việc trả lại chiếc xe Moto Yamaha Exiter BKS 26C1-174.11.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V, Cà Văn T, Ngàn Văn Q, Lò Văn D, Lò Văn X, nếu có tranh chấp về giao dịch liên quan đến chiếc xe Moto Yamaha Exciter BKS 26C1-174.11, thì có quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác tại Tòa án khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Về vật chứng, đồ vật, tài sản: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) chiếc phong bì do Bưu điện phát hành còn nguyên niêm phong, một mặt có ghi dòng chữ: “*Vật chứng lưu kho vụ Lương Thị B, sinh năm 1970 nơi cư trú bản Nà Nong, xã Chiềng Lo, huyện Mường L, tỉnh Sơn La hành vi cùng đồng phạm mua*”

bán trái phép chất ma túy...” (bên trong đựng 14,00 gam Heroine và 256,13 gam Methamphetamine còn lại sau khi trích mẫu và các vỏ, phong bì niêm phong B đầu, cùng các mảnh, vỏ nylon, băng dính dán màu trắng);

- 01 (một) chiếc giỏ đan bằng tre có dây đeo, đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc đèn pin nhựa màu tím mận, không có nhãn hiệu, trên thân đèn có dòng chữ JIPAI A13, dây đèn có dòng chữ LEDHEADLIGHT, đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc đèn pin nhựa màu đen, không có nhãn hiệu, dây đèn có dòng chữ LEDHEADLIGHT, đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc ví giả da màu đen có dây đeo đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc túi bằng vải màu đen, hình chữ nhật, có dây đeo bằng vải màu đen, không rõ nhãn hiệu, túi đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của Lương Thị B, bảo quản trong một chiếc phong bì do Bureau điện phát hành đã được niêm phong, một mặt có ghi dòng chữ: *“Vật chứng điện thoại của Lương Thị B, sinh năm 1970 nơi cư trú bản Nà Nong, xã Chiềng Lo, huyện Mường L, tỉnh Sơn La sau khi được kiểm tra”*;

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG thu giữ của Cà Văn S, bảo quản trong một Chiếc phong bì do Bureau điện phát hành còn nguyên niêm phong, một mặt có ghi: *“Vật chứng điện thoại của Cà Văn S, sinh năm 1965, cư trú bản T, xã Chiềng Khương, huyện S, tỉnh Sơn La; sau khi được kiểm tra”*.

- 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA; loại EXCITER; BKS 26C1- 174.11; SM: G3D4E768486; SK: RLCUG1010JY003458; màu S trắng đỏ đen, xe có 01 gương chiếu hậu, không có chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng (theo bản phô tô chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy thì xe Cơ quan CSĐT thu giữ là 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA; loại EXCITER; xe có biển kiểm soát 26C1- 174.11 số máy G3D4E768486; số khung: RLCUG1010JY003458; màu S trắng đỏ đen; chủ xe: Quảng Văn L: địa chỉ: Bản Đông Khít, xã Hua Trai, huyện Mường L, tỉnh Sơn La).

3.3. Trả lại bị cáo Lương Thị B:

- Số tiền 260.000 đồng (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng) đã thu giữ của Lương Thị B, được bảo quản trong 01 (một) chiếc phong bì do Phòng PC 09 - Công an tỉnh S L phát hành, còn nguyên niêm phong, một mặt có ghi: *“Vật chứng vụ Lương Thị B - Mua bán trái phép chất ma túy, niêm phong hồi 10 giờ 05 phút, ngày 08 tháng 10 năm 2022 tại phòng PC09 - Công an tỉnh Sơn La. Gồm có: số tiền 3.260.000 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng; và vỏ phong bì cũ gửi giám định”*.

- 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA loại Wave RSX màu S trắng - đen - đỏ , BKS 26L1-001.69, SK: RLHJC4321AY168023; SM: JC43E5634576, xe có 01 gương chiếu hậu, có 01 chìa khóa xe, xe bị trầy xước nhiều chỗ, xe đã qua sử dụng.

3.4. Trả lại bị cáo Quảng Văn L:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng cát (điện thoại

cảm ứng) có 01 sim trong điện thoại, màn hình điện thoại vỡ nứt, điện thoại đã qua sử dụng (đã thu giữ của Quàng Văn L).

- 01 (Một) Căn cước công dân có số 014086008108 mang tên Quàng Văn L, do Cục trưởng cục QLHCTTXH cấp ngày 11.8.2021.

3.5. Trả lại bị cáo Cà Thị S:

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO thu giữ của Cà Thị S, được bảo quản trong 01 (một) chiếc phong bì do Bưu điện phát hành còn nguyên niêm phong, một mặt có ghi: “Vật chứng điện thoại của Cà Thị S, sinh năm 1971, cư trú bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; sau khi được kiểm tra”.

- Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) thu giữ của Cà Thị S, được bảo quản trong 01 (một) chiếc phong bì do Phòng PC 09 - Công an tỉnh S L phát hành, còn nguyên niêm phong, một mặt có ghi: “*Vật chứng vụ Lường Thị B - Mua bán trái phép chất ma túy, niêm phong hồi 10 giờ 05 phút, ngày 08 tháng 10 năm 2022 tại phòng PC09 - Công an tỉnh Sơn La. Gồm có: số tiền 3.260.000 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng; và vỏ phong bì cũ gửi giám định*”. (đối với các vỏ phong bì tịch thu tiêu hủy).

(Vật chứng, tài sản: Chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/5/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo Cà Văn S, Cà Thị S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lường Thị B, Cầm Văn A, Quàng Văn L.

5. Quyền kháng cáo Bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo Lường Thị B, Cà Văn S, Cầm Văn A, Quàng Văn L, Cà Thị S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 02/8/2023); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- PC04 - Công an tỉnh Sơn La;
- CQHSNV Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV- THA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Lưu HS-AV.

Đinh Huy Hiệp